Bài 1 trang 9, 10 SBT Sử 10

Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Thị tộc là tổ chức xã hội của

A. người tối cổ

B. Người tinh khôn.

C. một loài vượn cổ.

D. xã hội có giai cấp và nhà nước.

Trả lời: Chọn B

2. Những người sống trong thị tộc được phân chia khẩu phần ăn thế nào ?

A. Chia đều.

B. Chia theo năng suất lao động.

C. Chia theo địa vị.

D. Chia theo tuổi tác.

Trả lời: Chọn A

3. Lí do chính khiến người nguyên thuỷ phải hợp tác lao động với nhau là:

A. quan hệ huyết thống đã gắn bó các thành viên trong cuộc sống thường ngày cũng như trong lao động.

B. yêu cầu công việc và trình độ lao động.

C. đời sống còn thấp kém, bấp bênh nên phải "chung lưng đấu cật" để kiếm sống.

D. cả A, B, C đều đúng.

Trả lời: Chọn D

4. Vì sao trong xã hội nguyên thuỷ, con người phải được hưởng thụ bằng nhau?

A. Thức ăn kiếm được chưa nhiều, chưa đều đặn.

B. Mọi người phải cùng nhau làm việc, cùng cố gắng đến mức cao nhất để kiếm sống.

C. Do quan hệ huyết thống.

D. Cả A, B đều đúng.

Trả lời: Chọn D

5. Tính cộng đồng của người nguyên thuỷ thể hiện như thế nào?

A. Hợp tác lao động.

B. Sống cùng nhau.

C. Hưởng thụ như nhau.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Trả lời: Chọn D

6. Trong xã hội nguyên thuỷ, sự công bằng bình đẳng là "nguyên tắc vàng" vì :

A. mọi người sống trong cộng đồng.

B. phải dựa vào nhau vì tình trạng đời sống còn thấp.

C. là cách duy nhất để duy trì cuộc sống.

D. cả A và B đều đúng.

Trả lời: Chọn D

7. Cư dân ở khu vực nào biết sử dụng đồng sớm nhất?

A. Ấn Độ. C. Tây Á và Ai Cập.

B. Lưỡng Hà. D. Trung Quốc.

Trả lời: Chọn C

8. Cư dân ở khu vực nào sử dụng đồ sắt sớm nhất?

A. Tây Á, Nam Âu. C. Trung Quốc.

B. Ai Cập. D. Hi Lạp.

Trả lời: Chọn A

9. Hệ quả kinh tế lớn nhất của việc phát minh ra công cụ kim khí là gì?

A. Có thể khai phá những vùng đất mới.

B. Tăng năng suất lao động.

C. Tạo ra một lượng sản phẩrn thừa thường xuyên.

D. Đúc sắt trở thành ngành sản xuất quan trọng bậc nhất.

Trả lời: Chọn B

10. Hệ quả xã hội của việc xuất hiện công cụ bằng kim loại là gì?

A. Sự xuất hiện tư hữu.

B. Gia đinh phụ hệ thay thế cho thị tộc mẫu hệ.

C. Xã hội phân chia thành giai cấp.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Trả lời: Chọn D

11. Nguyên nhân đầu tiên dẫn đến sự rạn vỡ của xã hội thị tộc, bộ lạc là :

A. trong xã hội bắt đầu có sự phân công chức phận khác nhau giữa các thành viên.

B. do cải tiến kĩ thuật và sự chuyên môn hoá trong sản xuất nên xuất hiện sản phẩm thừa thường xuyên.

C. một số người lợi dụng chức phận để chiếm đoạt một phần sản phẩm xã hội, đưa đến sự xuất hiện tư hữu, làm cho quan hệ cộng đồng bắt đầu bị phá vỡ.

D. khả năng lao động của các gia đình khác nhau đã thúc đẩy sự phân hoá trong xã hội.

Trả lời: Chọn C

Bài 2 trang 10 SBT Sử 10

Do đâu mà có tư hữu? Tư hữu xuất hiện đã dẫn tới sự thay đổi trong xã hội nguyên thuỷ như thế nào?

Trả lời:

- Nguyên nhân xuất hiện tư hữu: Do sự phát triển của sức sản xuất làm xuất hiện của cải dư thừa thường xuyên. Khi xã hội có sản phẩm thừa, một số người lợi dụng chức phận đã chiếm một phẩm của xã hội làm sản phẩm riêng cho mình. => Tư hữu xuất hiện
- Tác động:
  - Tư hữu bắt đầu xuất hiện, quan hệ cộng đồng bắt đầu bị phá vỡ, gia đình thay đổi theo, gia đình phụ hệ xuất hiện.
  - Khả năng lao động của các gia đình khác nhau, thúc đẩy sự phân biệt giàu, nghèo. Xã hội nguyên thủy tan vỡ. Con người đứng trước ngưỡng cửa của thời đại xã hội có giai cấp đầu tiên - Xã hội cổ đại.

Bài 3 trang 11 SBT Sử 10

Hãy lập bảng hệ thống kiến thức theo mẫu dưới đây:

Thời gian	**4 triệu năm trước**	**1 triệu năm trước**	**4 vạn năm trước**	**1 vạn năm trước**	**5500 năm trước**	**4000 năm trước**	**3000 năm trước**
Sự tiến hoá của con người							
Sự phát triển của công cụ				Đá mới, ghè, mài sắc			
Phương thức kinh tế		Lượm, hái, săn đuổi, bắt thú			Trồng lúa ven sông		
Tổ chức xã hội	Bầy vượn cổ		Thị tộc - bộ lạc - xã hội nguyên thuỷ				

Trả lời:

Thời gian	4 triệu năm trước	1 triệu năm trước	4 vạn năm trước	1 vạn năm trước	5500 năm trước	4000 năm trước	3000 năm trước
Sự tiến hoá của con người	Đá cũ sơ kỳ.	Đá cũ hậu kỳ.	Người tinh khôn	Cách mạng đá mới	Đồng đỏ.	Đồng thau	Thời đại đồ sắt
Sự phát triển của công cụ	Đá ghè một mặt	sử dụng rìu đá	Đá ghè hai rìa	Đá mới, ghè, mài sắc	Đồng	Đồng	Sắt
Phương thức kinh tế	Hái lượm, săn bắt	Lượm, hái, săn đuổi, bắt thú	Hái lượm, săn bắn	Trồng trọt, chăn nuôi	Trồng lúa ven sông	Trồng trọt, chăn nuôi	Trồng trọt, chăn nuôi
Tổ chức xã hội	Bầy vượn cổ	Bầy người nguyên thuỷ	Thị tộc - bộ lạc - xã hội nguyên thuỷ		Gia đình phụ hệ	Gia đình phụ hệ	Gia đình phụ hệ

Bài 4 trang 12 SBT Sử 10

Hãy giải thích thế nào là tính cộng đồng nguyên thuỷ.

Trả lời:

Tính cộng đồng nguyên thuỷ tức là tính sinh hoạt bầy đàn của người nguyên thủy: ăn chung, ở chung, săn bắt hái lượm chung. Họ chia chiến lợi phẩm ngang bằng nhau ko liên quan đến việc ai đổ ra nhiều hay ít sức lực trong mỗi cuộc săn bắt:

Đến Người tinh khôn, số dân đã tăng lên. Từng nhóm người cũng đông đúc hơn. Mỗi nhóm có hơn 10 gia đình (tăng hơn trước gấp 2 – 3 lần) gồm 2 – 3 thế hệ già, trẻ cùng có chung dòng máu, được gọi là thị tộc - những người "cùng họ".

Trong thị tộc, con cháu có thói quen tôn trọng lớp ông bà, cha mẹ. Ngược lại, ông bà, cha mẹ đều chăm lo, bảo đảm nuôi dạy tất cả con cháu của thị tộc.

Trên một vùng sinh sống thuận lợi như ven sông, suối… thường không chỉ có thị tộc mà còn có bộ lạc.

Bộ lạc là tập hợp một số thị tộc, sống cạnh nhau, có họ hàng với nhau và cùng một nguồn gốc tổ tiên xa xôi. Giữa các thị tộc trong một bộ lạc thường có quan hệ gắn bó với nhau, giúp đỡ nhau.

Đương nhiên, công việc thường xuyên và hàng đầu của thị tộc là kiếm thức ăn để nuôi sống thị tộc.

Những công việc như thế, nhất là việc săn đuổi, săn bẫy các con thú lớn, thú chạy nhanh, luôn đòi hỏi sự phân công hợp lí, sự "chung lưng đấu cật", mỗi người một việc, phối hợp ăn ý với nhau.

Như thế, yêu cầu của công việc và trình độ lao động thời nguyên thuỷ đòi hỏi sự hợp tác lao động của nhiều người, của cả thị tộc.

Thức ăn kiếm được chưa nhiều, chưa có đều đặn. Mọi người còn phải cùng làm, cùng cố gắng đến mức cao nhất để kiếm sống nên tự nhiên người ta thấy cần phải công bằng, phải được hưởng thụ bằng nhau.

Như thế, trong thị tộc không chỉ có sự hợp tác mà mọi của cải, mọi sinh hoạt được coi là của chung, việc chung, làm chung, ăn chung, thậm chí ở chung một nhà.

Bài 5 trang 12 SBT Sử 10

Sự xuất hiện công cụ bằng kim khí đã đưa đến những hệ quả kinh tế - xã hội như thế nào ?

Trả lời:

- Về kinh tế: Sự phát minh ra công cụ kim khí đã có ý nghĩa lớn lao trong cuộc sống lao động: năng suất lao động vượt xa thời đại đồ đá, khai thác những vùng đất đai mới, cày sâu cuốc bẫm, xẻ gỗ đóng thuyền, xẻ đá làm lâu đài; và đặc biệt quan trọng là từ chỗ bấp bênh, tới đủ sống tiến tới con người làm ra một lượng sản phẩm thừa thường xuyên
- Về xã hội: Cùng với sự xuất hiện của thời đại kim khí, xã hội cổ đại đã có sự biến chuyển, đó là sự xuất hiện của tư hữu, và tiếp đó là sự xuất hiện giai cấp mới trong xã hội

Bài 6 trang 12 SBT Sử 10

Hãy cho biết nguyên nhân và quá trình tan rã của xã hội nguyên thuỷ.

Trả lời:

- Nguyên nhân: Do tư hữu xuất hiện $\Rightarrow$ Không thể ăn chung, làm chung $\Rightarrow$ hình thành xã hội có giai cấp $\Rightarrow$ xã hội nguyên thủy tan rã.
- Quá trình tan rã của công xã nguyên thuỷ

- Tư hữu xuất hiện, đã xuất hiện những chức phận khác nhau. Họ lợi dụng chức phận để chiếm đoạt một phần sản phẩm thừa, có nhiều của cải hơn người khác. Tư hữu bắt đầu xuất hiện.
- Giai cấp xuất hiện: Khi tư hữu xuất hiện, gia đình cũng thay đổi theo. Đó là gia đình phụ hệ. Khả năng lao động của các gia đình ngày càng thúc đẩy sự phân chia giàu nghèo. Kẻ giàu người nghèo, người có quyền, kẻ bị lệ thuộc xuất hiện như cái bóng của chế độ tư hữu. Xã hội đã bị phân chia thành giai cấp.

$\Longrightarrow$ Chế độ công xã nguyên thủy tan vỡ. Con người đang đứng trước ngưỡng cửa của thời đại xã hội có giai cấp đầu tiên. Thời cổ đại với sự hình thành các nhà nước đầu tiên.